

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 03 –12– 2018.

*V/v Tranh chấp ly hôn và tài sản
chung của vợ chồng khi ly hôn .*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

Ông Nguyễn Văn Dề

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buối– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST–HNGĐ, ngày 02/8/2018, về “*Tranh chấp ly hôn và tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXX-ST, ngày 01/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Ngọc A, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hải Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị E, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Thái Ngọc A (bà Ngọc A) trình bày: Vào 06/03/2017, bà Thái Ngọc A và ông Trần Hải Đ kết hôn với nhau, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 05/2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây gổ, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và ông bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian

chung sống ông bà không có con chung. Về tài sản chung: Ông bà có 10 (mười) chỉ vàng 24kara và hiện nay bà Ngọc A đang quản lý. Về nợ chung: Không có.

Nay bà Thái Ngọc A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Trần Hải Đ.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 23/8/2018, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Hải Đ trình bày: Về tài sản chung của vợ chồng ngày cưới cha mẹ và họ hàng bên chồng cho 20 chỉ vàng 24 kara, cha mẹ vợ cho 05 chỉ vàng 24 kara, ngoài ra vợ chồng còn mua được một xe mô tô hiệu Air Blade màu xám đen, biển kiểm soát 83P3-53584, số máy JF63E2102164, số khung 6327H2085056 (mua ngày 14/4/2018). Toàn bộ tài sản này là tài sản chung của vợ chồng và bà Ngọc Anh đang quản lý sử dụng. Nay ông Đ yêu cầu chia đôi 25 chỉ vàng 24kara và chiếc xe mô-tô hiệu Air Blade màu xám đen, biển kiểm soát 83P3-53584, số máy JF63E2102164, số khung 6327H2085056. Về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và nợ chung thống nhất theo lời trình bày của bà A, ông Đ cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ngọc A.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 29/8/2018 đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của ông Đ bà Thái Ngọc A trình bày: Bà Ngọc A thừa nhận ngày cưới cha mẹ chồng và họ hàng bên chồng có cho 20 chỉ vàng 24 kara. Số vàng này bà đang quản lý 10 chỉ vàng 24 kara còn 10 chỉ vàng 24 kara bà đã bán để lấy tiền trị bệnh. Đối với 05 chỉ vàng ông Đ đề cập đến đây là dây chuyền vàng mẹ ruột của bà cho đeo trong ngày cưới, sau đó bà đã trả lại 05 chỉ vàng này không phải là tài sản chung của vợ chồng. Về chiếc xe mô tô hiệu Air Blade màu xám đen, biển kiểm soát 83P3 – 53584, số máy JF63E2102164, số khung 6327H2085056 (mua ngày 14/4/2018) bà đang quản lý sử dụng đây là tài sản riêng của bà mua từ nguồn tiền mà mẹ ruột cho riêng do bà đứng tên, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Tài sản chung của vợ chồng chỉ còn lại 10 chỉ vàng 24 kara bà đồng ý chia mỗi người một nửa.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2018, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị E (bà E) trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Ngọc A về tài sản là 05 chỉ vàng 24 kara, và xe mô-tô Air Blade màu xám đen, biển kiểm soát 83P3 – 53584, số máy JF63E2102164, số khung 6327H2085056 (mua ngày 14/4/2018). Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

*Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Hải Đ trình bày ý kiến thống nhất ly hôn với bà Thái Ngọc A, rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng

*Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố các đương sự thống nhất ly hôn.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 của bà Thái Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp ly hôn và tài sản chung khi ly hôn giữa bà Ngọc A với ông Đ địa chỉ ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền.

Xét yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của bà Thái Ngọc A đối với ông Trần Hải Đ:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Theo đơn khởi kiện ngày 26/06/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngọc A và ông Đ đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn ông bà thường hay cãi nhau. Theo bà Ngọc A thì ông Đ không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, trong cuộc sống thiếu sự quan tâm chăm sóc bà, nhất là khi đau ốm, vợ chồng đã sống ly thân gần nửa năm nay. Từ thực trạng đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Ngọc A và ông Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái Ngọc A.

[3] *Về con chung:* Ông Đăng và bà Ngọc A vẫn chưa có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:*

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về nợ chung các đương sự đều khai nhận không có thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án bà Thái Ngọc A phải chịu: 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia

đình sơ thẩm. Ông Trần Hải Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Hải Đ 1.606000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] *Về quyền kháng cáo bản án*: căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Ngọc A được ly hôn với ông Trần Hải Đ.

2. Về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thái Ngọc A và ông Trần Hải Đ không có con chung nên quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của ông Trần Hải Đ về việc chia tài sản chung là 25 chỉ vàng 24 kara và xe mô tô hiệu Air Blade màu xám đen, biển kiểm soát 83P3 – 53584, số máy JF63E2102164, số khung 6327H2085056.

4. Về nợ chung: Bà Thái Ngọc A và ông Trần Hải Đ đều xác định không có thiếu nợ ai, không yêu cầu, nên tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003196 ngày 02 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Hải Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Hải Đ 1.606.000 đồng (Một triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004475 ngày 23 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a

và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- UBND xã Trường Khánh,
huyện Long Phú
- TAND tỉnh Sóc Trăng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Hà